

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01** /2025/DS-ST

Ngày: 14 - 02 - 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Tuyết và bà Trần Thị Thúy Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2024/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-DS ngày 16/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2); Địa chỉ: Số nhà H đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B – Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân; Người được Nguyễn Hồng B ủy quyền lại để tham gia tố tụng: ông Đặng Nhật L - Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 5042/2024/UQ-VPBank ngày 16/9/2024); ông L có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Điều cư trú tại: TDP B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Ông S, bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V2) trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay số LN2304078858441 kí ngày 13/04/2023; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ kèm theo cùng ngày, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S vay vốn của V3 số tiền cho vay: 865.000.000đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng); Thời hạn cho vay: 84 tháng (Bằng chữ: Tám mươi tư tháng), tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; Mục đích sử dụng

vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu VINFAST VF8 – PLUS sx 2022, xe mới 100% để đi lại cá nhân. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12.5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo Hợp đồng cho vay số LD2403302500 ngày 02/02/2024, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S vay vốn của Ngân hàng V3 số tiền: 59.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi chín triệu đồng); Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 15/01/2027; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất cho vay trong hạn thỏa thuận tại Hợp đồng được áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V3 quy định qua từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo Hợp đồng cho vay số LD2406701176 kí ngày 07/03/2024, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S vay vốn của Ngân hàng V3 số tiền 23.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu đồng); Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 15/02/2027; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận được áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V3 quy định qua từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/04/2023, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S đề nghị Ngân hàng V3 cấp hạn mức tín dụng với số tiền 43.250.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Loại thẻ: Platinum Cashback; Mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn theo thỏa thuận được áp dụng theo biểu

lãi suất cho vay do V3 quy định qua từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lời nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, Ngân hàng V3 đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo 03 Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đối với thẻ, sau khi cấp hạn mức tín dụng thẻ với số tiền 43.250.000 đồng, ông S và bà H đã rút hết hạn mức nên Ngân hàng V2 căn cứ vào nhu cầu thực tế tiêu dùng, lịch sử tín dụng của khách hàng nâng hạng tự động đối với thẻ cho ông S và bà H lên 54.225.000 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ngày 13/04/2023, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thái S ký với Ngân hàng V2 Hợp đồng thế chấp số LN2304078858441, theo đó đã dùng 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8, biển số đăng ký: 73A – 284.59, có số khung: RLLVIAFA9NV009207, số máy: VFBALB22C230512, theo Giấy đăng ký xe ô tô số 73 001171 do Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/4/2023, mang tên Nguyễn Thái S, thuộc sở hữu chung của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thái S để thế chấp cho Ngân hàng V2. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình sử dụng tài sản thế chấp, theo thông tin ông Nguyễn Thái S cung cấp thì hiện xe ô tô BKS 73A – 284.59 là tài sản thế chấp đang do ông Nguyễn Hữu H1, cư trú tại Hà Nội quản lý, sử dụng chung với vợ chồng ông.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/06/2024 đối với V3 nên theo các thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng các khoản nợ đã chuyển quá hạn từ thời điểm này. Sau thời điểm bên vay vốn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V3 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện tái cơ cấu về thời gian trả nợ, tuy nhiên, bà H và ông S vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 14/02/2025 với tổng số tiền là: 1.048.908.933 đồng, trong đó, Nợ gốc: 854.821.136 đồng; Nợ lãi 194.087.797 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S còn phải tiếp tục chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày 15/02/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về xử lý tài sản bảo đảm, đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8, biển số đăng ký: 73A – 284.59, có số khung: RLLVIAFA9NV009207, số máy: VFBALB22C230512, theo giấy đăng ký xe ô tô 73 001171 do Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/4/2023, mang tên Nguyễn Thái S, thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S để thu hồi nợ trong trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định

của Tòa án. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu, Ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

- Theo Bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S thừa nhận những nội dung về quá trình vay, số vốn vay, số tiền giải ngân thực tế, mục đích vay và việc thế chấp tài sản bảo đảm như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Việc vay vốn của ông, bà là hoàn toàn nguyện, số vốn vay từ Ngân hàng Ô đều được sử dụng theo đúng mục đích đã cam kết. Quá trình thực hiện các Hợp đồng vay vốn, ông, bà đã trả được một phần nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, do việc làm ăn của vợ chồng gặp nhiều khó khăn nên từ ngày 15/6/2024, ông bà không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các Hợp đồng. Đối với tất cả các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng, trong đó có cả hợp đồng online với số tiền vay 59.000.000 đồng, quá trình hòa giải bà H vắng mặt, ông S thừa nhận toàn bộ các hợp đồng đã ký kết, chỉ yêu cầu Nguyên đơn làm rõ hạn mức và việc nâng đổi với thẻ tín dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, cả ông S và bà H đều không thừa nhận việc ký kết hợp đồng online với số tiền vay 59.000.000 đồng cũng như quá trình giải ngân, rút tiền theo Hợp đồng này, thừa nhận hợp đồng mở thẻ tín dụng nhưng đề nghị Tòa án xem xét lại về lãi suất. Với yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ của Ngân hàng, ông bà hoàn toàn đồng ý nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho thêm thời gian để ông bà thu xếp nguồn trả nợ.

Tại phiên tòa, ông S, bà H trình bày, trường hợp vợ chồng ông không trả được nợ thì đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8, biển số đăng ký: 73A – 284.59 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông. Tuy nhiên, hiện xe ô tô đang được ông Nguyễn Hữu H1 cư trú tại Hà Nội đồng quản lý với ông trên cơ sở hợp đồng cầm cố đã ký kết, vì vậy, trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ông bà sẽ làm việc với ông H1 để đưa xe về cho Ngân hàng xử lý theo quy định.

Ý kiến của đại diện Ngân hàng V2 về việc quản lý, sử dụng và giao dịch liên quan đến tài sản thế chấp thể hiện, giao dịch cầm cố theo trình bày của ông S và bên liên quan được thực hiện sau thời điểm Bên thế chấp đăng ký giao dịch thế chấp với Ngân hàng. Việc bên thế chấp thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng khi chưa có ý kiến của bên nhận thế chấp là vi phạm quy định của pháp luật cũng như thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp. Vì vậy, Ngân hàng không có yêu cầu xem xét hiệu lực của Hợp đồng cầm cố đối với xe ô tô là tài sản thế chấp trong vụ án này. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp mà phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện một vụ kiện khác ở giai đoạn thi hành án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng

giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều từ 117 đến Điều 119, các Điều 296, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S phải thanh toán trả Ngân hàng V2 tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 14/02/2025 là 1.048.908.933 đồng, trong đó, Nợ gốc: 854.821.136 đồng; Nợ lãi 194.087.797 đồng. Tuyên nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi quá hạn đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và tuyên quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng trong trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thế chấp thì các bên liên quan có quyền khởi kiện vụ kiện khác. Về án phí, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Theo các hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã ký kết thể hiện việc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S xác lập quan hệ tín dụng với Ngân hàng V2 là nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân và kê khai địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về việc xét xử sự vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần 2 các đương sự theo giấy triệu tập của Tòa án đều có mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số: LN2304078858441 ngày 13/04/2023 cùng Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ kèm theo đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S với Ngân hàng V2 thấy rằng: việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự

nguyên, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật; đại diện các bên đều có đủ năng lực và thẩm quyền để giao dịch dân sự; các bên thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định cụ thể về điều kiện cho vay. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay được thẩm định, định giá và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Việc giải ngân vốn vay thực tế đã được thực hiện theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng và quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay vốn là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S đã sử dụng đúng mục đích đối với vốn vay.

Xét thỏa thuận về lãi suất cho vay tại các hợp đồng thấy rằng, tại khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số: LN2304078858441 ngày 13/04/2023 cùng Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 12.5%/năm và được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn này lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm) và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn được áp dụng từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn được áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Xét thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng trên phù hợp với quy định điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, phù hợp với quy định tại Điều 7, Điều 9, Điều 12 của Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên hợp đồng tín dụng đã phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm ký kết.

Xét việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thấy rằng, tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận về thời hạn vay và lịch biểu trả nợ gốc, lãi tiền vay, theo đó thời hạn vay là 84 tháng (Bằng chữ: Tám mươi tư tháng), tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 (kỳ đầu tiên vào ngày 15/5/2023) với số tiền gốc là 10.298.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 10.266.000 đồng; Phải trả lãi cho Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 15 (kỳ đầu tiên vào ngày 15/5/2023). Tuy nhiên, quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S mới thanh toán được 144.172.018 đồng tiền gốc và 116.403.970 đồng tiền lãi tính đến kỳ hạn ngày 14/6/2024, sau đó không trả được nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên nên số nợ đã chuyển thành nợ quá hạn tại kỳ hạn tiếp theo là ngày 15/6/2024. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bên vay vốn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/02/2025) là 835.242.067 đồng, trong đó, nợ gốc: 720.827.982 đồng; nợ lãi: 114.414.085 đồng (Lãi trong hạn: 1.884.938 đồng; Lãi quá hạn: 112.529.147 đồng) là phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 5

Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng (có hiệu lực ngày 15/3/2017) và Điều 7 của Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xét các Hợp đồng tín dụng số: LD2403302500 ngày 02/02/2024; Hợp đồng cho vay số LD2406701176 ngày 07/03/2024 và thỏa thuận vay vốn theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/04/2023 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S với Ngân hàng V2 thấy rằng: mặc dù tại phiên tòa, Bị đơn thừa nhận việc ký kết với Ngân hàng V2 các hợp đồng LD2406701176 ngày 07/03/2024 để vay số tiền 23.000.000 đồng cũng như việc mở thẻ tín dụng, nhưng không thừa nhận việc đã ký kết hợp đồng LD2403302500 ngày 02/02/2024 (giao kết trực tuyến online) để được cấp tín dụng với số tiền 59.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 31/12/2024, ông S đã thừa nhận việc giao kết các Hợp đồng điện tử là trên cơ sở Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/04/2023 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S với Ngân hàng V2 và thừa nhận việc sử dụng vốn vay là do bà Nguyễn Thị H thực hiện cho mục đích chung của vợ chồng. Mặt khác, tại Bảng sao kê tài khoản của bà Nguyễn Thị H thể hiện ngày 02/02/2024 số tiền 59.000.000 đồng đã được giải ngân vào tài khoản của bà H và đến ngày 07/3/2024, vốn vay đã được sử dụng hết. Cùng ngày 07/3/2024, bà H đã giao kết Hợp đồng số LD2406701176 để vay tiếp số tiền 23.000.000 đồng tại Ngân hàng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận trình bày của ông S, bà H mà cần xác định việc giao kết các Hợp đồng có đủ điều kiện để được công nhận hiệu lực như đã phân tích ở mục [2.1]. Về thỏa thuận lãi tại các hợp đồng Hợp đồng cho vay số LD2403302500 ngày 02/02/2024; Hợp đồng cho vay số LD2406701176 ngày 07/03/2024 và thỏa thuận vay vốn theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/04/2023, thấy rằng: tại các Hợp đồng vay vốn, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S đã chấp thuận với lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V3 quy định qua từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Như đã phân tích ở mục [2.1], các thỏa thuận giữa các bên về lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cũng có cơ sở để công nhận hiệu lực. Vì vậy, việc ngân hàng khởi kiện

yêu cầu Tòa án buộc bên vay vốn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ 03 hợp đồng này là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Nguyên đơn thấy rằng, các bên đều thừa nhận việc ký kết hợp đồng thế chấp số LN2304078858441 ngày 13/04/2023 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng đảm bảo các điều kiện để công nhận hiệu lực của hợp đồng. Theo Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng thế chấp, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S cam kết dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8, biển số đăng ký: 73A – 284.59, có số khung: RLLVIAFA9NV009207, số máy: VFBALB22C230512, theo giấy đăng ký xe ô tô số 73 001171 do Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/4/2023, mang tên Nguyễn Thái S, thuộc quyền sở hữu chung của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S (là tài sản hình thành trong tương lai ở thời điểm ký hợp đồng thế chấp) để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của ông S, bà H đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được xác lập giữa ông S, bà H với Ngân hàng và bên liên quan khác trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng thế chấp.

Tại phiên tòa, bà H thống nhất với ý kiến trình bày của ông S liên quan đến yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Theo trình bày của ông S, tài sản thế chấp là xe ô tô BKS 73A – 284.59 đang do ông Nguyễn Hữu H1 cùng quản lý sử dụng với vợ chồng ông trên cơ sở hợp đồng cầm cố đã ký kết và hiện tại xe đang có tại Hà Nội nên Tòa án không thể trực tiếp xem xét thẩm định đối với tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, ông S không xuất trình được hợp đồng để chứng minh cho trình bày của mình. Mặt khác, Ngân hàng V2 chỉ yêu cầu tuyên quyền xử lý tài sản bảo đảm, không yêu cầu xem xét hiệu lực của các giao dịch liên quan đến tài sản bảo đảm, trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện một vụ án khác. Xét tài sản thế chấp là động sản được hình thành từ nguồn vốn vay, đã được đăng ký quyền sở hữu tại cơ quan có thẩm quyền nên thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp. Hợp đồng thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo yêu cầu của ông S, bà H nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, quan hệ thế chấp đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ 3 kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm. Đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu tài sản bên nhận thế chấp đang nắm giữ và không có căn cứ xác định có cơ quan có thẩm quyền nào đang thụ lý giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thế chấp. Khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đến hạn thì Ngân hàng V2 (bên nhận thế chấp) được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên tại Điều 4 và Điều 8 của Hợp đồng thế chấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 299, Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với việc thực hiện hợp đồng có điều kiện. Vì vậy, yêu cầu Tòa án tuyên quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo

đảm theo Hợp đồng thế chấp đã được ký kết của Ngân hàng V2 là có đủ căn cứ để chấp nhận. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thế chấp thì bên nhận thế chấp có quyền khởi kiện một vụ kiện khác theo khoản 12 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 117, 119, 297, 298, 299, 303, 317, 319, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/02/2025 là: 1.048.908.933 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc: 854.821.136 đồng; Nợ lãi 194.087.797 đồng.

Kể từ ngày 15/02/2025, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2304078858441 ngày 13/04/2023 để thu hồi nợ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8, biển số đăng ký: 73A-284.59, có số khung: RLLV1AFA9NV009207, số máy: VFBALB22C230512, theo giấy đăng ký xe ô tô số 73 001171 do Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/4/2023, mang tên Nguyễn Thái S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S phải nộp 43.467.200 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 19.372.000 đồng (*Mười chín triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trách theo biên lai số BLTU/23/0002762 ngày 19/11/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/02/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Quang Minh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 14 tháng 02 năm 2025

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang M.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Thúy V và bà Phan Thị Tuyết

Tiến hành nghị án vụ án tranh chấp dân sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V3); Địa chỉ: Số nhà H đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Đặng Nhật L – Chuyên viên xử lý nợ;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Điều cư trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN,
BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH NHƯ SAU:**

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 117, 119, 297, 298, 299, 303, 317, 319, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền

nợ tính đến ngày 14/02/2025 là: 1.048.908.933 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc: 854.821.136 đồng; Nợ lãi 194.087.797 đồng.

Kể từ ngày 15/02/2025, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2304078858441 ngày 13/04/2023 để thu hồi nợ, gồm: 01 Xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại VF8, biển số đăng ký: 73A-284.59, có số khung: RLLV1AFA9NV009207, số máy: VFBALB22C230512, theo giấy đăng ký xe ô tô số 73 001171 do Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/4/2023, mang tên Nguyễn Thái S.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S phải nộp 43.467.200 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 19.372.000 đồng (*Mười chín triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai số BLTU/23/0002762 ngày 19/11/2024.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Việc nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe nhất trí cùng ký tên dưới đây.

Trần Thị Thúy V – Phan Thị Tuyết Lê Quang M

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Minh

Tại bản trình bày đề ngày??., ông Nguyễn Hữu H1 trình bày: Theo Giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp thì ông là chủ cơ sở cầm đồ ??? có địa chỉ tại: ??, nội dung đăng ký kinh doanh của cơ sở là cầm cố tài sản. Hiện tại, ông H1 đang quản lý xe ô tô BKS 73A – 284.59 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thái S. Quá trình ký kết hợp đồng cầm cố, ông không biết việc tài sản cầm cố đang được thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông S tại Ngân hàng V2. Khi ký kết hợp đồng, do có mối quan hệ thân quen từ trước và tin tưởng nên ông không yêu cầu ông S cung cấp Giấy đăng ký phương tiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V2 buộc vợ chồng ông S trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, ông không có ý kiến gì. Riêng về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô BKS 73A – 284.59 hiện ông H1 đang cầm cố, ông H1 không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện tại nơi cư trú của ông Nguyễn Anh Đ thể hiện, ông Đ không có mặt tại địa phương và không rõ đi đâu. Kết quả xác minh xuất nhập cảnh của ông Đ tại Cục Q - Bộ C thể hiện, ông Nguyễn Anh Đ nhiều lần xuất cảnh ra nước ngoài qua cửa khẩu M1 và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông Đ đang có mặt tại Việt Nam.

11. Trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay thế chấp tài sản là ô tô của mình để vay tiền (việc thế chấp ô tô đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, giấy tờ của xe ô tô do Ngân hàng đang quản lý, xe ô tô do bên

vay sử dụng). Quá trình giải quyết vụ án, bên vay không có mặt tại địa phương, Tòa án xác minh thì không biết ô tô là tài sản thế chấp đang ở đâu và do ai quản lý nên không thể tiến hành thẩm định, định giá để làm căn cứ giải quyết vụ án. Trường hợp này Tòa án có được tuyên phát mại đối với chiếc xe ô tô để thi hành án được không?

Trường hợp Tòa án xác định hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì việc không xác định được ô tô là tài sản thế chấp ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, cần buộc ông Nguyễn Anh Đ phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng V2 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, tính đến ngày 29/5/2024 là: 203.364.397 đồng, trong đó: Nợ gốc là 169.985.000 đồng, nợ lãi (trong hạn + quá hạn) là 33.379.397 đồng.

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Kể từ ngày 30/5/2024 ông Nguyễn Anh Đ còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thái S đã nhận số tiền giải ngân thực tế: 59.000.000 đồng theo Hợp đồng số LD2403302500 và 23.000.000 đồng theo LD2406701176 và rút tiền thực tế tại tài khoản thẻ tín dụng với số tiền 54.225.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp hạn mức thẻ tín dụng; nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn nên số nợ cũng đã chuyển quá hạn kể từ ngày 15/6/2024.